

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 49/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng
Ông Nguyễn Văn Lén

Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Ngọc Diễm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-DS ngày 25/4/2023 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXX-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở chính: 266-268 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T, sinh năm 1992; chức vụ: Phó phòng giao dịch T – Chi nhánh A; địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt) (theo giấy ủy quyền ngày 28-3-2023).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ E, khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ D, khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Minh Tân d theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 11-10-2021 bà Huỳnh Thị L có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (TMCP) (gọi tắt Ngân hàng) để vay số tiền 550.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 202126290515, mục đích vay buôn bán, lãi suất 10,5%/năm (có sự điều chỉnh lãi theo quy định), thời hạn vay 5 năm; hình thức thanh toán trả gốc, lãi hàng tháng; tài sản thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CH03163 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Huỳnh Thị L ngày 30-01-2013 thửa số 29, tờ bản đồ số 18, diện tích 60,8m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CS08518 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp ngày 25-9-2020 cho bà Huỳnh Thị N1 đứng tên, đến ngày 9-11-2020 tặng cho bà Huỳnh Thị L, thửa số 27, tờ bản đồ số 36, diện tích 283,7m². Quá trình vay đến ngày 06-12-2022 bà L đã trả được tiền vốn 156.400.000 đồng, lãi 72.424.779 đồng. Từ đó đến nay bà L không trả được đúng thời hạn mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở. Nay yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị L phải trả số tiền vốn 393.600.000 đồng lãi 51.883.536 đồng (lãi tạm tính đến ngày 12-9-2023) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp.

Bị đơn theo biên bản ghi lời khai bà Huỳnh Thị L thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 202126290515, ngày 11-10-2021 vay số tiền 550.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 202126290515, mục đích vay buôn bán, lãi suất 10,5%/năm (có điều chỉnh lãi theo quy định), thời hạn vay 5 năm; hình thức thanh toán trả gốc, lãi hàng tháng; tài sản thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CH03163 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Huỳnh Thị L ngày 30-01-2013 thửa số 29, tờ bản đồ số 18, diện tích 60,8m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CS08518 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp ngày 25/9/2020 cho bà Huỳnh Thị N1 đứng tên, đến ngày 9-11-2020 tặng cho bà Huỳnh Thị L, thửa số 27, tờ bản đồ số 36, diện tích 283,7m². Quá trình vay đến ngày 06-12-2022 bà trả được tiền vốn 156.400.000 đồng, lãi 72.424.779 đồng, đến nay bà không thanh toán đúng hạn do hoàn cảnh khó khăn. Nay bà đồng ý trả tiền vốn 393.600.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng và xin được trả dần số tiền nêu trên.

Ngoài ra, bà L có cầm cố căn nhà tọa lạc tại khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang cho bà Trương Thị N, (căn nhà và đất hiện nay bà đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP S - chi nhánh T1) để vay số tiền 230.000.000 đồng, xin hẹn mỗi tháng trả số tiền 6.000.000 đồng, trả trong thời gian 04 năm đến nay bà đã trả được 88.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà không thanh toán đúng thời gian cho bà N. Trong quá trình vay bà có trả lãi được cho bà N 4 tháng với số tiền 36.800.000 đồng, bà L không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi đã trả cho bà N.

Nay bà còn nợ của bà N số tiền 142.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà N, bà xin hẹn trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trương Thị N trình bày: Ngày 06-9-2021 bà L có vay của tôi số tiền 230.000.000 đồng, xin hẹn mỗi tháng trả 6.000.000 đồng, trả trong thời gian 04 năm. Sau đó bà L có trả được 70.000.000 đồng. Tiếp đó bà L không thực hiện đúng thời gian, nên vào ngày 26-4-2023 giữa bà N và bà L có làm biên nhận số tiền bà L còn nợ 160.000.000 đồng và bà L có cầm cố căn nhà toa lạc tại Khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang cho bà N để làm tin, khi cầm cố bà N biết căn nhà và đất hiện bà L đang thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng, tiếp đó bà L có trả thêm cho bà N được số tiền 18.000.000 đồng, đến nay bà L không trả nữa. Từ lúc vay đến nay bà L có trả lãi được cho bà được 4 tháng với số tiền 36.800.000 đồng. Nay bà N yêu cầu bà L trả số tiền 142.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thể tiến hành hòa giải, do vắng mặt bà Huỳnh Thị L.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thị L phải trả số tiền vốn 393.600.000 đồng, lãi 56.097858 đồng (lãi tạm tính đến ngày 29-9-2023) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp.

Theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn đồng ý trả vốn 393.600.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng và đồng ý trả bà N số tiền vay 142.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N yêu cầu bà Huỳnh Thị L trả số tiền 142.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng thông báo thụ lý chưa đảm bảo thời gian, vi phạm thời gian xét xử.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng số 202126290515, ngày 11-10-2021 được ký kết giữa Ngân hàng với bà L trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo nội dung hợp đồng thể hiện bà L có vay của Ngân hàng số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn buôn bán, lãi suất 10,5%/năm (có điều chỉnh theo thời gian), thời hạn vay 5 năm, phương thức trả nợ; trả lãi, gốc hàng tháng. Sự việc này cũng được bà L thừa nhận.

Sau khi vay Ngân hàng đã giải ngân số tiền 550.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 11-10-2021. Trong thời gian vay, hai bên cũng thống nhất đã thanh toán được vốn 156.400.000 đồng và tiền lãi 72.424.779 đồng. Hiện còn nợ lại 393.600.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 22-8-2023 là 46.700.000 đồng.

Mặc dù hợp đồng tín dụng vẫn chưa đến hạn nhưng do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi thực hiện hợp đồng nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại phần 1 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng).

Về lãi suất, do bà L không thanh toán đúng hạn và đầy đủ cho Ngân hàng nên theo thỏa thuận giữa các bên tại điểm b mục 2.1, mục 2.5 phần 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng) thì toàn bộ số dư nợ bà L chuyển sang quá hạn, đồng thời bà L còn phải chịu lãi đối với số tiền lãi chậm trả theo bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp là 56.097.858 đồng gồm lãi trong hạn là 32.633.756 đồng, lãi quá hạn 20.680.263 đồng, lãi phạt 2.783.893 đồng.

Đối với yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp nhận thấy: Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 202126290515 giữa Ngân hàng với bà L được công chứng, chứng thực và đăng ký bảo đảm đúng theo quy định nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, bà L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền vốn 393.600.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29-9-2023 là 56.097.858 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp QSDĐ.

Xét yêu cầu độc lập của bà Trương Thị N trình bày: Theo bà N trình bày, bà L vay của bà N số tiền 230.000.000 đồng, đã thanh toán 88.000.000 đồng, còn nợ lại 142.000.000 đồng. Khi vay các bên có làm biên nhận. Sự việc này cũng được bà L thừa nhận và bà L cũng xác định chữ ký trong các biên nhận nợ do bà N cung cấp là do bà ký tên và bà cũng đồng ý trả bà N số tiền 142.000.000 đồng theo yêu cầu của bà N. Tuy nhiên, bà L xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng không được bà N chấp nhận. Từ đó, có đủ cơ sở buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 142.000.000 đồng. Bà N không yêu cầu tính lãi suất, nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền lãi bà L đã đóng cho bà N 4 tháng với số tiền là 36.800.000 đồng, do bà L không yêu cầu điều chỉnh lại nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn 393.600.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày

29-9-2023 là 56.097.858 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp QSDĐ giữa Ngân hàng với bà L.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N, buộc bà L trả cho bà N số tiền 142.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn bà Huỳnh Thị L có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà L có xin vắng mặt. nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thời hiệu: Bà L đã ký kết hợp đồng tín dụng của với Ngân hàng TMCP S ngày 11-10-2021 , bà L cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả vốn, và trả lãi được một phần theo hợp đồng. Tuy nhiên, do vi phạm thời gian thanh toán theo hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng tín dụng giữa các bên có lập thành văn bản, trên nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, nên được xem là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 202126290515, ngày 11-10-2021 bà L đến ngày 06-12-2022 bà L đã trả được tiền vốn 156.400.000 đồng, lãi 72.424.779 đồng. Theo nội dung của Hợp đồng tín dụng thì thời hạn vay là 5 năm, tính đến thời điểm khởi kiện hợp đồng tín dụng trên vẫn chưa hết thời hạn, nhưng do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo hợp đồng ký kết hình thức thanh toán của bà L đối với Ngân hàng là trả gốc lãi hàng tháng, nhưng khi thực hiện hợp đồng bà L đã vi phạm thời gian thanh toán nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại phần

1 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng), vì vậy Ngân hàng TMCP S khởi kiện là phù hợp với điều khoản chung quy định tại Điều 9 của hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết là phù hợp.

Về lãi suất: Do bà L không thanh toán đúng hạn và đầy đủ cho Ngân hàng nên theo thỏa thuận giữa các bên tại điểm b mục 2.1, mục 2.5 phần 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng) thì toàn bộ số dư nợ bà L chuyển sang quá hạn, đồng thời bà L còn phải chịu lãi đối với số tiền lãi chậm trả theo bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp là 56.097.858 đồng (tạm tính đến ngày 29-9-2023) gồm lãi trong hạn là 32.633.756 đồng, lãi quá hạn 20.680.263 đồng, lãi phạt 2.783.893 đồng.

Quá trình tố tụng bà L thừa nhận còn nợ của Ngân hàng số tiền vốn, lãi và lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà không thể trả vốn, lãi như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng bà đã ký kết với Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, sự thỏa thuận giữa các bên việc thực hiện hợp đồng tín dụng bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi như thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị L phải trả số tiền số tiền vốn 393.600.000 đồng lãi 56.097.858 đồng là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tiếp tục tính lãi: Đại diện Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bà L trả dứt nợ, Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ còn phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả; đối chiếu với quy định trên, yêu cầu tiếp tục tính lãi của Ngân hàng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hợp đồng tín dụng số 202126290515, ngày 11-10-2021 ký kết thỏa thuận lãi suất cho vay 10,5%/năm, đến ngày 06-10-2022 điều chỉnh lãi suất vay trong hạn 11,4%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn và đến ngày 06-01-2023 điều chỉnh lãi suất vay trong hạn 14%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Sự điều chỉnh lãi này phía Ngân hàng có thông báo cho bà L biết và bà L cũng thống nhất với sự điều chỉnh lãi của Ngân hàng. Vì vậy, vấn đề điều chỉnh lãi của Ngân hàng là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản: Tài sản thế chấp là tài sản thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CH03163 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Huỳnh Thị L ngày 30-01-2013 thửa số 29, tờ bản đồ số 18, diện tích 60,8m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CS08518

do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp ngày 25-9-2020 cho bà Huỳnh Thị N1 đứng tên, đến ngày 9-11-2020 tặng cho bà Huỳnh Thị L, thửa số 27, tờ bản đồ số 36, diện tích 283,7m². Nhận thấy, các bên giao kết trên cơ sở quy định của pháp luật, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý, buộc các bên phải thực hiện. Do vậy để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà L, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết đối với bà Huỳnh Thị L.

[6] Về yêu cầu độc lập: Nhận thấy trong thời gian bà L thế chấp căn nhà, đất để vay vốn tại Ngân hàng, bà L cầm cố căn nhà tọa lạc tại Khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang cho bà Trương Thị N để vay số tiền 230.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm biên nhận để xác nhận số nợ và bà L cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận là chữ ký của bà. Bà L đã trả nhiều lần tổng cộng 88.000.000 đồng, còn nợ lại 142.000.000 đồng. Bà N yêu cầu bà L trả số tiền 142.000.000 đồng, bà L đồng ý theo yêu cầu của bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của bà N là có cơ sở phù hợp, nên bà L có trách nhiệm phải trả cho bà N số tiền 142.000.000 đồng là phù hợp.

Về yêu cầu tính lãi suất, do bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền lãi bà L đã đóng cho bà N 4 tháng với số tiền là 36.800.000 đồng, do bà L không yêu cầu điều chỉnh lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với yêu cầu xin trả dần của bà L, không được Ngân hàng và bà N chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[8] Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng đại diện Ngân hàng TMCP S đã đóng tạm ứng chi phí thẩm định 700.000 đồng. Theo bản quyết toán ngày 11-8-2023 của Tòa án chi phí xem xét thẩm định 700.000 đồng. Hội đồng xét xử buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng là phù hợp. Tại phiên tòa Ngân hàng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[9] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và bà Trương Thị N được chấp nhận nên Ngân hàng và bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà L phải chịu 5% án phí đối với số tiền mà Ngân hàng và bà N yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 449.697.858 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi tám đồng), trong đó: vốn 393.600.000 đồng; lãi 56.097.858 đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30-9-2023 trên số nợ vốn vay theo lãi suất nợ quá hạn được ghi trong hợp đồng tín dụng số 202126290515, ngày 11-10-2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Huỳnh Thị L cho đến khi trả dứt nợ.

Duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 202126290515 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CH03163 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Huỳnh Thị L ngày 30-01-2013 thửa số 29, tờ bản đồ số 18, diện tích 60,8m² và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ số CS08518 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp ngày 25-9-2020 cho bà Huỳnh Thị N1 đứng tên, đến ngày 09-11-2020 tặng cho bà Huỳnh Thị L, thửa số 27, tờ bản đồ số 36, diện tích 283,7m² để đảm bảo thi hành án.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Thị N đối với bà Huỳnh Thị L.

Bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị N số tiền 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng (theo bản quyết toán ngày 11-8-2023 của Tòa án).

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 27.667.000 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) án phí DSST.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại 9.680.000 đồng (chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số 0009992 ngày 07-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà Trương Thị N được nhận lại số tiền 3.550.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Trương Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0010229, ngày 23-8-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan